

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 6 năm 2022

V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Định

Bà Nguyễn Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Hà Thị V, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn N, xã Quỳnh S, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang .(vắng mặt).

-Bị đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn N, xã Quỳnh S, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2022, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hà Thị V trình bày:* Chị và anh Phạm Văn Q về chung sống với nhau từ ngày 23 tháng 12 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện và gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi tổ chức lễ cưới thì chị về chung sống với anh Q và gia đình anh tại thôn N, xã Quỳnh S, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang. Từ khi chung sống với nhau đến nay chị và anh Q không lên ủy ban nhân dân xã hay cơ quan có thẩm quyền nào để đăng ký kết

hôn. Ban đầu ý định sẽ lên cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn, nhưng sau đó do bận rộn và thời gian qua đi anh chị thấy không cần thiết nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn nữa.

Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2020 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh Q tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra còn mâu thuẫn về việc làm ăn phát triển kinh tế của gia đình nên hai bên thường xuyên cãi nhau. Chị và anh Q đã tự ngồi với nhau hòa giải để hai bên hòa hợp, cùng nuôi dạy con cái, tuy nhiên không có kết quả. Chị đã bỏ ra ngoài sinh sống và đã ly thân anh Q từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Từ khi ly thân hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, có liên lạc với nhau chỉ vì hỏi thăm con chung. Nay, chị xác định tình cảm giữa chị và anh Q không còn. Chị đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Q là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Q có 01 con chung là cháu Phạm Như Q, sinh ngày 17/6/2008. Hiện nay cháu Q đang ở với anh Q. Nay, chị đề nghị Tòa án giao cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Như Q. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện nay chị làm nghề tự do. Thu nhập của chị khoảng 7.000.000 đồng/ 01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Chị và anh Q không có gì, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị bận công việc, đồng thời chị đã có lời khai đầy đủ và tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án rồi nên chị đề nghị được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Phạm Văn Q.

Bị đơn anh Phạm Văn Quyền trình bày: Anh và chị Hà Thị V về chung sống với nhau từ ngày 23 tháng 12 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện và gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi tổ chức lễ cưới thì chị V về sinh sống với anh và gia đình anh tại thôn N, xã Quỳnh S, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang.

Từ khi chung sống với nhau đến nay vì đã quá lâu nên anh không nhớ anh và chị V có đăng ký kết hôn hay không, đề nghị Tòa án xác minh ở Ủy ban xã Quỳnh Sơn. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2020 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị

tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra còn mâu thuẫn về việc làm ăn phát triển kinh tế của gia đình nên hai bên thường xuyên cãi nhau. Anh và chị V đã tự ngồi với nhau hòa giải để hai bên hòa hợp, cùng nuôi dạy con cái, tuy nhiên không có kết quả. Chị V đã bỏ ra ngoài sinh sống và đã ly thân anh từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Từ khi ly thân anh và chị V không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, có liên lạc với nhau chỉ vì hỏi thăm con chung. Nay, anh xác định tình cảm giữa anh và chị V không còn. Chị V đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị V và anh là vợ chồng thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị V có 01 con chung là cháu Phạm Như Q, sinh ngày 17/6/2008. Hiện nay cháu Q đang ở với anh. Trường hợp Tòa án không công nhận chị V và anh là vợ chồng thì anh đề nghị được nuôi cháu Phạm Như Q. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện nay anh làm nghề tự do, làm tiếp thị bán hàng. Thu nhập của anh khoảng 7.000.000 đồng/01tháng. Đủ điều kiện để nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp: Anh chị không có gì, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh bận công việc, đồng thời anh đã có lời khai đầy đủ nên anh đề nghị được vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị V và anh.

Quá trình giải quyết vụ án cháu Phạm Như Q là con chung của chị Hà Thị V và anh Phạm Văn Q có lời khai như sau: Cháu là con của mẹ Hà Thị V và bố Phạm Văn Q. Hiện nay cháu học lớp 8B, trường Trung học cơ sở Quỳnh Sơn và cháu đang ở với bố cháu Phạm Văn Q. Trong trường hợp bố mẹ cháu không chung sống với nhau, mẹ cháu đề nghị Tòa án không công nhận mẹ cháu và bố cháu là vợ chồng thì cháu đề nghị Tòa án giải quyết cho cháu được ở với bố cháu Phạm Văn Q, vì bố cháu quan tâm chăm sóc và hiểu cháu hơn.

Tại phiên tòa, chị V và anh Q đều xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị V, biên bản lấy lời khai của anh Q và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Xứ:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hà Thị V và Phạm Văn Q là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Như Q, sinh ngày 17/6/2008

Chị V có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Thủy thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Hà Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận V đã nộp đủ án phí.

- Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Hà Thị V; bị đơn là anh Phạm Văn Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Vui, anh Quyền.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hà Thị V là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Phạm Văn Q, anh Q có nơi cư trú tại thôn N, xã Quỳnh S, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị V và anh Phạm Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 đến nay trên cơ sở tự nguyện, khi về

chung sống giữa chị và anh Q được sự nhất trí của hai bên gia đình và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Tuy nhiên giữa chị V và anh Q từ khi kết hôn đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống của chị V anh Q: Chị V anh Q đều xác định ban đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc. Chị V cho rằng đến khoảng đầu năm 2020 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh Q tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra còn mâu thuẫn về việc làm ăn phát triển kinh tế của gia đình nên hai bên thường xuyên cãi nhau. Chị đã bỏ ra ngoài sinh sống và đã ly thân anh Q từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Từ khi ly thân hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, có liên lạc với nhau chỉ vì hỏi thăm con chung. Nay, chị xác định tình cảm giữa chị và anh Q không còn. Chị đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Quyền là vợ chồng.

Về phía anh Q cũng xác nhận quá trình chung sống ban đầu anh và chị Vui hòa thuận hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2020 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như chị V trình bày là đúng. Hai bên đã ly thân từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Nay, anh cũng xác định tình cảm với chị V không còn. Chị V đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Q là vợ chồng thì anh cũng nhất trí.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương:

Ông Đinh Xuân Công - Cán bộ tư pháp xã Quỳnh Sơn cho biết: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn từ năm 2007 đến nay thì giữa chị Hà Thị V và anh Phạm Văn Qu không đăng ký kết hôn;

Ông Phạm Xuân Trường - Trưởng thôn Núi, xã Quỳnh Sơn cho biết: Năm 2007, chị V anh Q được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và về chung sống với nhau. Sau khi cưới chị V về làm dâu ở chung cùng anh Q và gia đình anh Quyền ngay. Quá trình chung sống ban đầu Chị V anh Q hòa thuận hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2020 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm rõ, chỉ biết chị V đã bỏ ra ngoài sinh sống và đã ly thân anh Q từ tháng 12 năm 2020. Nay, chị V đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Q là vợ chồng thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, chứng tỏ hôn nhân giữa chị Vui anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Chị V và anh Q chung sống với nhau không đăng ký kết hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình xử không công nhận chị Vui và anh Quyền là vợ chồng.

[3.2]. Về con chung: Chị V anh Q có 01 con chung là cháu Phạm Như Q, sinh ngày 17/6/2008. Hiện nay cháu Q đang ở với anh Q. Trường hợp Tòa án không công nhận chị V và anh Q là vợ chồng thì anh Q và chị V đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q, đồng thời nguyện vọng của cháu Q cũng mong muốn được ở với anh Q. Nên cần giao con chung là cháu Q cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

Về vấp dưỡng nuôi con chung chị V và anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị V anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Hà Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 51, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228; Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hà Thị V và Phạm Văn Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Như Q, sinh ngày 17/6/2008.

Chị V có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Vui thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Hà Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009484 ngày 25/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị V đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lương Văn Định Nguyễn Thị Nhàn

Nguyễn Thị Anh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lương Ngọc Biên Nguyễn Thị Tin

Nguyễn Thị Anh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Nguyễn Thị Anh